

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 31 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6 - 2020

V/v: Ly hôn giữa chị M và anh V

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Ngô Văn Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Ông Tô Tuấn Dũng – kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2020/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐST- HNGĐ ngày 22/5/2020.

1. Nguyên đơn: Chị Đàm Thị M, sinh năm 1978 – *Xin xử vắng mặt*

Địa chỉ: thôn NT, xã TN, huyện TT, tỉnh TB

2. Bị đơn: Anh Lê Văn V, sinh năm 1977 – *Vắng mặt tại phiên tòa*

Nơi cư trú: thôn HM, xã TN, huyện TT, tỉnh TB

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án nguyên đơn là chị Đàm Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn V kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN vào ngày 08 tháng 01 năm 2000. Sau khi kết hôn do tính tình không hợp, do anh V không tin tưởng, nhiều lần xúc phạm, đánh đập chị nên từ tháng 6/2015 chị về nhà đẻ đẻ ở, chị và anh V ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định giữa chị và anh V không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh V.

Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị và anh V có ba con chung là Lê Thị Hồng T, sinh ngày 30/01/2001, Lê Thị Hồng H, sinh ngày 29/01/2005 và Lê Thị Hồng D, sinh ngày 05/9/2006. Con Lê Thị Hồng T đã đủ 18 tuổi chị không yêu cầu về trách nhiệm nuôi dưỡng. Chị đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Lê Thị Hồng H và Lê Thị Hồng D, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/ tháng, hai con là 2.000.000 đồng/ tháng đến khi con thành niên.

Về chia tài sản chung: Chị và anh V không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân chia tài sản.

- Ngày 20/01/2020, anh Lê Văn V đến Tòa án xác nhận về việc đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và tài liệu chứng cứ chị M khởi kiện, anh đề nghị để suy nghĩ có ý kiến sau. Sau đó nhiều lần Tòa án báo anh V đến làm việc nhưng anh V không đến nên không thu thập được ý kiến của anh V.

Do không hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị M ly hôn anh V. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị M trực tiếp nuôi hai con chung là Lê Thị Hồng H, sinh ngày 29/01/2005 và Lê Thị Hồng D, sinh ngày 05/9/2006. Buộc anh V cấp dưỡng nuôi con cho chị M mỗi con 1.000.000 đồng/ tháng, hai con 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung thành niên. Không đặt ra giải quyết về tài sản chung và nợ chung do các đương sự không yêu cầu. Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TB theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[2.1]. *Quan hệ hôn nhân:*

Chị M và anh V kết hôn hợp pháp. Do tính tình không hợp nên cuộc sống chung của anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi chửi. Từ tháng 6/2015 đến nay anh chị sống mỗi người một nơi, ai biết bổn phận của người đó, không có trách nhiệm gì với nhau. Mâu thuẫn giữa hai bên đã được gia đình và địa phương hòa giải nhưng do đã ở mức độ trầm trọng nên không có kết quả. Đến nay thời gian anh chị ly thân đã lâu mà cả hai đều không có giải pháp đoàn tụ. Xác minh tại thôn, xã nơi cư trú của hai bên đều phản ánh tình trạng mâu thuẫn giữa chị M và anh V đúng như chị M trình bày, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị M ly hôn anh V.

[2.2]. *Về con chung*: Chị M và anh V có ba con chung là Lê Thị Hồng T, sinh ngày 30/01/2001, Lê Thị Hồng H, sinh ngày 29/01/2005 và Lê Thị Hồng D, sinh ngày 05/9/2006. Con Lê Thị Hồng T đã đủ 18 tuổi, đã đi làm nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Hai con chung là Lê Thị Hồng H và Lê Thị Hồng D hiện đều ở cùng chị M và có nguyện vọng ở với chị M nên để ổn định cuộc sống của hai con chung giao cho chị Mừng trực tiếp nuôi dưỡng hai con Lê Thị Hồng H và Lê Thị Hồng D đến khi con đủ 18 tuổi. Anh V hiện vẫn đi làm tự do, có sức khỏe, có thu nhập nên phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Chấp nhận việc chị M yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/ tháng, hai con là 2.000.000 đồng/ tháng đến khi con thành niên. Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung, nợ chung*: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Chị Đàm Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Lê Văn V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Đàm Thị M ly hôn anh Lê Văn V.

2. Về nuôi con chung: Chị Đàm Thị M và anh Lê Văn V có ba con chung là Lê Thị Hồng T, sinh ngày 30/01/2001, Lê Thị Hồng H, sinh ngày 29/01/2005 và Lê Thị Hồng D, sinh ngày 05/9/2006. Con Lê Thị Hồng T đã đủ 18 tuổi, không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Giao cho chị Đàm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng hai con Lê Thị

Hồng H và Lê Thị Hồng D đến khi hai con đủ 18 tuổi. Anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị M mỗi con 1.000.000 đồng/ tháng, hai con là 2.000.000 đồng/ tháng đến khi con thành niên. Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Đàm Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền được 300.000 đồng tạm ứng án phí chị **M** đã nộp theo biên lai số 0002099 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Chị Đàm Thị M đã nộp đủ án phí. Anh Lê Văn V phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo:

Chị Đàm Thị Mừng và anh Lê Văn V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

6. Quyền yêu cầu thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã TN;
- TAND tỉnh TB;
- VKSND tỉnh TB;
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

